

Bản án số: 40/2017/DS-ST  
Ngày: 15 - 8 - 2017  
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thiện.
2. Ông Lê Hoàng Phúc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận:*** không tham gia phiên tòa theo khoản 2, Điều 21 BLTTDS.

Trong các ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLST-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1973; cư trú tại: tổ A, thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1980; cư trú tại tổ C, thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Huỳnh Minh Đ, sinh năm: 1975; ông Đ thực hiện ủy quyền cho chị Nguyễn Thị L (Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 15/8/2017). Cùng cư trú tại tổ A, thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Anh Nguyễn L, sinh năm: 1980; cư trú tại tổ C, thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” lập ngày 31/5/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/6/2017 cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Xuất phát từ quan hệ quen biết thân tình với nhau, chị em nhiều lần tâm sự, biết chị T làm Đại lý cấp một kinh doanh thức ăn gia súc, nên từ tháng 9 năm 2016 đến cuối tháng 02/2017, chị Nguyễn Thị T đã nhiều lần vay tiền của chị, tính đến ngày 22/02/2017, tổng số tiền chị T vay lên đến 1.050.000.000đ. Tất cả các lần vay chị T đều có viết giấy và ký tên. Mặc dù chị đã nhiều lần yêu cầu chị T và anh L trả cho chị số tiền nợ trên, nhưng chị T và anh L không chịu trả. Do vậy, chị đã khởi kiện yêu cầu TAND huyện Đức Linh giải quyết buộc vợ chồng anh L, chị T phải liên đới có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ gốc là 1.050.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Theo bản khai, biên bản hòa giải và lời khai của bị đơn - chị Nguyễn Thị T tại phiên tòa hôm nay thể hiện:

Chị với anh Nguyễn L có mối quan hệ là vợ chồng. Đồng thời, chị với chị L là người hàng xóm, có quan hệ thân thiết. Chị công nhận có mượn tiền của chị L nhiều lần, tổng số tiền nợ gốc tính cho đến nay là 1.050.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*), chị chấp nhận chịu trách nhiệm trả số tiền nợ gốc này cho chị L. Tuy nhiên, chị cho rằng cá nhân chị tự chịu trách nhiệm chứ chồng chị là anh Nguyễn L không biết, vì chị dấu không cho anh L biết việc mình vay nợ. Đồng thời chị còn

trình bày, hiện nay chị còn nợ nhiều người, số tiền nợ lớn, mục đích vay là để kinh doanh (Đại lý thức ăn gia súc cấp một) phát triển kinh tế gia đình, hiện nay chị đang lâm vào cảnh mất khả năng chi trả. Cho nên đề nghị chị L chấp nhận cho chị trả số tiền nợ nói trên bằng cách là trả dần theo khả năng.

Trong quá trình tố tụng, Người có quyền và nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn L trình bày anh không biết việc vay mượn nợ của chị T và khẳng định không cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với chị T. TAND huyện Đức Linh cũng đã tiến hành hòa giải nhưng kết quả không thành, các bên đương sự không thống nhất với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án. Nguyên đơn yêu cầu cả hai vợ chồng cùng chịu trách nhiệm trả số tiền nợ là 1.050.000.000đ. Bị đơn công nhận số tiền nợ gốc là 1.050.000.000đ nhưng tự chịu trách nhiệm trả và trả dần theo khả năng. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan (anh L) không công nhận trách nhiệm cùng trả nợ với bị đơn.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh không tham gia phiên tòa theo vông văn số: 05/KSGQ-DS, ngày 07/8/2017.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ quan hệ là hàng xóm thân tình với nhau, biết gia đình chị T có kinh doanh thức ăn gia súc trên danh nghĩa là Đại lý cấp một, nên từ đầu năm 2016 đến tháng 02/2017, chị Nguyễn Thị T đã nhiều lần vay tiền của chị Nguyễn Thị L, tính đến ngày 22/02/2017, tổng số tiền chị T vay lên đến 1.050.000.000đ. Tất cả các lần vay chị T đều có viết giấy mượn tiền và ký tên. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay các bên đã thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng. Tuy khi vay, hai bên có thỏa thuận với nhau về tiền lãi, nhưng tại phiên tòa hôm nay không yêu cầu tính lãi, không có ý kiến hay thắc mắc gì về tiền lãi đã trả. Tại biên bản hòa giải ngày 19/7/2017 chị T chấp nhận một mình trả dần hàng tháng, tại phiên tòa hôm nay chị T trình bày không còn khả năng trả nữa, nên chỉ chấp nhận trả tùy theo khả năng, có lúc nào trả lúc đó,

có bao nhiêu trả bấy nhiêu. Do vậy, HĐXX xét có đủ căn cứ để xác định được đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có thỏa thuận về lãi suất.

[2] *Về trách nhiệm của người có quyền và nghĩa vụ liên quan*: Mặc dù tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn L trình bày rằng, việc chị T với chị L vay mượn nợ nhau anh không biết và không chịu trách nhiệm trả số tiền đó. Tuy nhiên, anh L công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị T cho đến ngày hôm nay về mặt pháp lý vẫn còn tồn tại. Anh biết chị T có mở Đại lý kinh doanh thức ăn gia súc, nhưng chị T, vợ của anh kinh doanh như thế nào anh không để ý, anh chỉ lo làm ruộng. Do vậy, HĐXX thấy cần buộc anh Nguyễn L phải có trách nhiệm liên đới cùng với chị T trả số tiền nợ 1.050.000.000 đồng cho chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Các điều: 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ tất cả những nhận định trên đây. HĐXX thấy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L, đồng thời theo đó cần buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ 1.050.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về nghĩa vụ trả lãi sau ngày xét xử sơ thẩm*: HĐXX xét thấy, cần áp dụng một phần tương tự của Án lệ số: 09/2016/AL. Theo đó mức lãi suất phải chịu là 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ, tức bằng 10%/năm của khoản tiền vay là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L được chấp nhận toàn bộ cho nên chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn L phải chịu án phí DSST.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự cho chị L theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0013056, ngày 13/6/2017; 0013101, ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, 264, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008

Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn L phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho chị L số tiền nợ vay là: 1.050.000.000đ (*Một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng*).

2. Xử buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn L phải liên đới có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền nợ vay tổng cộng là 1.050.000.000đ (*Một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng*).

Chia phần: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn L mỗi người phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền là: 525.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng chị T, anh L còn phải chịu một khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền phải trả được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ, tức bằng 10%/năm của khoản tiền vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn L phải nộp số tiền 43.500.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu, năm trăm ngàn đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm: 17.400.000 đồng (*Mười bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0013056, ngày

13/6/2017 và 4.350.000đ (Bốn triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0013101, ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 15/8/2017. (đã giải thích).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Văn Đức**